TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2023/HS-PT
Ngày: 14/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng và ông Trần Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 08/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo **Phạm Hải D, Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2022/HS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh P.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Hải D**, sinh năm: 1992; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở thôn A xã Đ, huyện S, tỉnh P; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Vợ: Trần Thị Bích Th, sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

2. **Hàn Văn H;** sinh năm 1983; Nơi đăng ký NKTT: thôn S. xã S, huyện T, tỉnh P; Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh P; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hàn Văn L, sinh năm 1959 và bà Đào Thị X, sinh năm 1963; Vợ: Ngô Thị Th, sinh năm 1983: Có 3 con: lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

3. **Phạm Thủy Ninh**; sinh năm 1985; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Khu phố b, thị trấn H, huyện S, tỉnh P; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp khi phạm tội: Công an; giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Phú Quảng, sinh năm 1960 và bà Võ Thị Phước, sinh năm 1959; Có vợ đã ly hôn; Có 01 con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

4. **Phạm Thu H1**; sinh năm 1998; Nơi đăng ký NKTT: Khu phố a, thị trấn H, huyện S, Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã El, huyện S, tỉnh P; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: làm nông; Giới tính: nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Th, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1981; Chồng: Nguyễn Tôn Ngọc Đ, sinh năm 1998; Có 01 con: sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa của bị cáo Phạm Thu H1:* Ông Trần Hải Lâm – Luật sư Văn phòng Luật sư Dân Tín, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Tháng 11/2018, Phạm Hải D được một người tên N (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở thành phố H sử dụng số điện thoại 0962862161 liên hệ qua số điện thoại 0903574586 của D, giới thiệu có nhận làm Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, Chứng chỉ Tiếng Anh và giấy phép lái xe các hạng. D đồng ý đặt người tên N1 làm giấy tờ giả để bán cho những người có nhu cầu nhằm thu lợi D sử dụng tài khoản Facebook Phạm Minh Ph đăng thông tin "nhận làm các loại giấy tờ do cơ quan Nhà nước cấp và cam đoan là giấy tờ thật", để ai có nhu cầu thì liên hệ với D làm giấy tờ giả. Hàn Văn H sử dụng mạng xã hội Facebook, thấy D đăng nội dung nhận làm các loại giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức, H liên hệ D làm giấy tờ giả để sử dụng và bán lại cho người khác để thu lợi nên H giới thiệu với người khác là H có thể làm được giấy phép lái xe các hạng mà không cần phải đi học và thi sát hạch, ai có nhu cầu sử dụng hoặc giới thiệu cho những người khác thì liên hệ H để đặt làm. Phạm Thuỳ N và Phạm Thu Hương biết Hiền làm được giấy phép lái xe các hạng mà không cần phải đi học và thi sát hạch nên N, H1 liên hệ H làm giấy tờ giả để bán lại cho những người có nhu cầu nhằm thu lợi. Về phương thức làm giấy tờ giả: Khi những người có nhu cầu liên hệ D, H, N, H1 hỏi giá tiền giấy tờ cần làm, thì D và N1 thống nhất giá từng loại giấy tờ, D thông báo lại cho những người này; người có nhu cầu làm giấy tờ giả cung cấp thông tin cá nhân, chụp hình giấy chứng minh nhân dân và hình thẻ gửi qua N, H1, rồi N, H1 chuyển thông tin cho H, sau đó H chuyển thông tin này cho D để D gửi thông tin qua tài khoản Zalo MrBin cho N1 tiến hành làm giấy tờ giả. Khi giấy tờ giả làm xong, N1 gửi D qua bưu điện hoặc xe khách, tiếp đó D, H, N, H1 sẽ giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện và xe khách cho người mua, người mua thanh toán tiền trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng cho D, H, N, H1, D thanh toán tiền cho N1 bằng cách chuyển tiền vào tài khoản 060236047000, Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh T

do N1 cung cấp. Với phương thức thủ đoạn nêu trên, từ tháng 12/2018 đến tháng 5/2020 trên địa bàn thành phố T, thị xã Đ và các huyện T, S, Đ, Phạm Thu H1 đã thực hiện hành vi cụ thể như sau:

- Đối với Phạm Hải D:

Phạm Hải D liên hệ một người tên N1 đặt làm 51 tài liệu giả gồm 47 giấy phép lái xe các hạng, 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A, 01 bằng Tốt nghiệp Trung học phổ thông, 02 giấy khám sức khỏe, bán lại để thu lợi bất chính. Theo đó, D bán cho Hàn Văn H 43 tài liệu giả, bán cho Điều Thị Th 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 700.000 đồng; Lê Văn Cường 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.000.000 đồng; Nguyễn Dương Hoàng T, Mai Mê L mỗi người 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá tiền 1.200.000đồng/giấy; Nguyễn Thanh Đ 01 giấy phép lái xe hạng B2 giá 4.000.000 đồng; Lê Văn Th 01 giấy phép lái xe hạng C giá 5.000.000 đồng; Ngô V 01 giấy phép lái xe hạng C giá 13.000.000 đồng và 01 bằng Tốt nghiệp Trung học phổ thông cho một người không rõ lai lịch, địa chỉ giá 2.500.000 đồng. Thông qua việc bán giấy tờ giả để hưởng chênh lệch, D đã thu lợi bất chính số tiền 23.900.000 đồng. Cơ quan Công an đã thu giữ liên quan đến D 43/51 tài liệu già, gồm 40 giấy phép lái xe các hạng, 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A và 02 giấy khám sức khỏe.

- Đối với Hàn Văn H:

Hàn Văn H liên hệ Phạm Hải D đặt làm 43 tài liệu giả, gồm 40 giấy phép lái xe các hạng, 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A và 02 giấy khám sức khỏe. Ngoài đặt làm giấy tờ giả từ D, trong khoảng thời gian tháng 4 đến tháng 5/2020, H liên hệ tài khoản Zalo Công Thành đặt làm 02 giấy phép lái xe giả bán lại thu lợi. Tổng cộng đặt làm 45 giấy tờ giả, trong đó H mua để sử dụng 01 giấy phép lái xe hạng A2 giá 2 500.000 đồng và 01 giấy phép lái xe hạng D giá 6.000.000 đồng, còn lại 43 giấy tờ giả, H bán cho người khác bằng các hình thức sau đây:

+ H bán giấy tờ giả cho người khác để người này bán lại thu lợi bất chính: H bán cho Phạm Thùy N 06 giấy tờ giả, gồm 05 giấy phép lái xe các hạng. 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A và bán cho Phạm Thu H1 07 giấy phép lái xe hạng A1 giả.

+ H bán giấy tờ giả trực tiếp cho những người có nhu cầu mua về sử dụng: H bán cho Bùi Ngọc S, Nguyễn Trình C, Nguyễn Văn H, Bùi Ngọc T, Nguyễn Thị Diệu A mỗi người 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.500.000đồng/giấy; bán cho Đặng Thị L 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.800.000 đồng; bán cho Trần Văn Q 01 giấy phép lái xe hạng B2 giá 5.000.000 đồng; bán cho Trần Quang H 01 giấy phép lái xe hạng D giá 6.000.000 đồng; bán cho Trần L 01 giấy phép lái xe hạng FC giá 18.000.000 đồng. Đối với Đào Bá Ch nhờ H hỗ trợ học và thi sát hạch để được cấp giấy phép lái xe hạng B2, Ch đưa cho Hiền sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và hình thẻ; sau đó, H đưa Ch 01 giấy phép lái xe hạng B2, nhưng do chưa học

và thi sát hạch mà có giấy phép lái xe, Ch nghi là giả nên không nhận và đã trả lại cho H giấy phép lái xe này. Đối với trường hợp, H bán 01 giấy phép lái xe hạng C cho Trần Văn D1 với số tiền 29.000.000 đồng, D1 được Phạm Thuỳ N giới thiệu cho H để làm giấy phép lái xe giả nên H cho N 1.000.000 đồng tiền hoa hồng.

+ H bán giấy tờ giả trực tiếp cho những người có nhu cầu mua về sử dụng và có kèm theo hồ sơ: Phạm Quốc D1 mua từ Hiền 01 giấy phép lái xe hạng B2 giá 22.000.000 đồng và kèm theo hồ sơ gồm: giấy chứng nhận sức khỏe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, giấy chứng nhận tốt nghiệp và chứng chỉ sơ cấp nghề, tất cả đều mang tên Phạm Quốc D1. Huỳnh Tấn Q mua từ H 01 giấy phép lái xe hạng B2 giá 16.000.000 đồng và kèm theo hồ sơ gồm: giấy chứng nhận sức khỏe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, Chứng chỉ sơ cấp nghề, tất cả đều mang tên Huỳnh Tấn Q. Nguyễn Tấn L mua từ H 01 giấy phép lái xe hạng D giá 14.000.000 đồng và kèm theo hồ sơ gồm: giấy chứng nhận sức khỏe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, giấy chứng nhận tốt nghiệp, chứng chỉ sơ cấp nghề, tất cả đều mang tên Nguyễn Tấn L, do khi được nhận giấy phép lái xe trên từ H thì L cập nhật không có thông tin trên hệ thống, nghi là giấy tờ giả nên trả lại giấy phép lái xe này cho H.

+ H bán giấy tờ giả cho người trung gian mua giúp cho người có nhu cầu mua về sử dụng: Cao Thị Kim H liên hệ H làm cho Nguyễn Ngọc T 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị D liên hệ H làm cho Nguyễn Trung Đ 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.500.000 đồng; Hồ Thị Kim Y liên hệ H làm cho Nguyễn Tr 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.500.000 đồng; Đỗ Văn Đ giới thiệu H cho Đặng Thị Thanh L để làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.500.000 đồng; Đến giới thiệu H cho Lê Hồng T để làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho Lê Thị Hồng M giá 1.500.000 đồng; Đinh Hoài L liên hệ H làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 cho Dương Thị T, Võ Đình S, giá 1.500.000 đồng/giấy; Nguyễn Thị L liên hệ H làm cho Nguyễn Thành P 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.700.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh T liên hệ H làm cho Trần Thị Xuân H 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.800.000 đồng; Lê Thị H giới thiệu H cho Đặng Thị S để làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 2.000.000 đồng.

+ H mua giấy phép lái xe giả để cho những người quen biết, không lấy tiền: H mua cho Nguyễn Thị T, Hàn Thị L, Trần Thị Kim Y mỗi người 01 giấy phép lái xe hạng A1, giá 1.000.000đồng/giấy; mua cho Hàn Văn Th 01 giấy phép lái xe hạng B2 giá 4.000.000 đồng.

Thông qua việc bán giấy tờ giả để hưởng chênh lệch, H đã thu lợi bất chính số tiền 47.800.000 đồng. Cơ quan Công an đã thu giữ được 40/45 tài liệu giả, gồm 37 giấy phép lái xe các hạng. 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A và 02 giấy khám sức khỏe.

- Đối với Phạm Thùy N

Phạm Thùy N liên hệ H đặt làm 09 giấy tờ giả gồm 07 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 và 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A rồi đem bán lại. Cụ thể: Dương Đặng Bá Q liên hệ N làm 01 giấy phép lái xe hạng B2 cho Lê Kim H (vợ Q), N đặt H làm giấy phép lái xe này, giá 24.000.000 đồng, bán lại cho Q số tiền 26.000.000 đồng. Y S liên hệ N làm 01 Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A cho Hờ BLi (vợ Y S), N mua giấy tờ này từ H giá 3.500.000 đồng, bán lại số tiền 5.000.000 đồng. Nguyễn Ngọc Ch nhờ Tô Văn T làm cho Ch và Ph Thị Ngọc Tr (con gái Ch) giấy phép lái xe hạng A1, rồi T nhờ lại Hoàng Thị Th. Th liên hệ N làm giấy phép lái xe hạng A1 cho Ch, Tr; N đặt H làm giấy phép lái xe này, giá 1.800.000 đồng/giấy, bán lại 2.500.000 đồng/giấy. Nguyễn Ngọc Ph và bà Trần Thị Th (mẹ Trần Hữu Tr) biết Nguyễn Thị D có thể nhờ người khác làm giấy phép lái xe nên Ph, Th nhờ D2 làm giấy phép lái xe hạng A1 cho Ph và Tr. D3 liên hệ N, N đặt H làm giấy phép lái xe này, giá 1.700.000/giấy, N bán lại 2.500.000 đồng/giấy. N giới thiệu ông Trần Văn D1 để liên hệ H làm 01 giấy phép lái xe hạng C, N hưởng lợi từ H số tiền 1.000.000 đồng. N còn khai nhận, đặt H làm 03 giấy phép lái xe hạng A1, giá 1.800.000đồng/giấy và bán lại cho người tên T, tên B, tên T (không rõ nhân thân lại lịch), số tiền 2.000.000 đồng/ giấy, làm việc với H thì do không có thông tin cụ thể những người này nên không rõ có hay không việc bán 03 giấy tờ này cho N và quá trình điều tra cũng không thu giữ được giấy tờ giả này. Thông qua việc bán giấy tờ giả để hưởng chênh lệch, N đã thu lợi bất chính số tiền 7.100.000 đồng. Cơ quan Công an đã thu giữ được 07/10 tài liệu giả gồm 06 giấy phép lái xe các hạng và 01 chứng chỉ Tiếng Anh.

- Đối với Phạm Thu Hương:

Do bản thân chưa có giấy phép lái xe nên Phạm Thu Hương đã liên hệ và cung cấp thông tin cá nhân của H1 cho H làm 01 giấy phép lái xe hạng A1, số tiền 1.500.000 đồng, để H1 sử dụng. Qua đó, H1 biết mẹ ruột là Lê Thị Kim L và dì ruột là Lê Thị Mỹ N chưa có giấy phép lái xe hạng A1 nên H1 nói với bà L và bà N nhờ H làm giấy phép lái xe thì bà L và bà N đồng ý. H1 lấy thông tin cá nhân của bà L và bà N cung cấp cho H để làm giấy phép lái xe hạng A1 cho bà L và bà N với số tiền 1.500.000đồng/giấy. Ông Nguyễn Văn Ng (cha chồng H1) và bà Lê Thị Lệ Th (dì ruột H1) biết H có thể nhờ người khác làm giấy phép lái xe nên ông Ng nói Hương liên hệ Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn A lấy thông tin để làm giấy phép lái xe hạng A1; bà Th liên hệ Hương làm cho Lê Văn L, Lương Văn L mỗi người 01 giấy phép lái xe hạng A1, H1 đồng ý. H1 liên hệ H đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 cho A, Nh, L, L với số tiền 1.300.000đồng/giấy, H1 bán lại cho những người này giá 1.700.000đồng/giấy. Thông qua việc bán giấy tờ giả để hưởng chênh lệch, H1 thu lợi bất chính số tiền 800.000 đồng. Cơ quan Công an đã thu giữ 07/07 giấy phép lái xe hạng A1 giả liên quan đến H1.

Tại các bản kết luận giám định số 194 ngày 25/6/2021, số 260 ngày 09/09/2021, số 53 ngày 10/02/2022, số 212 ngày 31/5/2022, số 218 ngày

06/06/2022, số 221 ngày 07/06/2022, số 239 ngày 20/6/2022, số 296 ngày 29/07/2022 và số 303 ngày 08/08/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Các giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thị Xuân H, Nguyễn Ngọc T, Đặng Thị Thanh L, Đặng Thị L, Nguyễn Văn H, Bùi Ngọc T, Hàn Thị L, Nguyễn Trình Ch, Đặng Thị S, Bùi Ngọc S, Nguyễn Ngọc Ph, Lê Văn C, Dương Thị Th, Lê Thị Hồng M, Trần Thị Kim Y, Nguyễn Trung Đ, Lê Văn L, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Ngọc Ch, Phùng Thị Ngọc Tr, Nguyễn Dương H T, Phạm Thu H, Lê Thị Mỹ Ng, Lê Thị Kim L, Võ Định S, Lương Văn L, Mai Mê L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị Nh, Trần Hữu Tr, Điều Thị Th; giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Trần Văn Q; giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Lê Kim H, Hàn Văn T, Đào Bá Ch, Phạm Quốc D1, Huỳnh Tấn Q; giấy phép lái xe hạng C mang tên Trần Văn D; giấy phép lái xe hạng D1 mang tên Hàn Văn H, Nguyễn Tấn L; giấy phép lái xe hạng FC mang tên Trần L và Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A mang tên Hờ BL, tất cả là giả, bằng phương pháp in phun màu.

Công văn số 947/BV-KHTH-CĐT ngày 04/8/2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh P kết luận: Bệnh viện không ban hành mẫu giấy khám sức khoẻ như mẫu mang tên Nguyễn Tấn L và Phạm Quốc D1, không sử dụng đóng dấu mộc (ĐỦ SỨC KHOẺ LÁI XE HẠNG), chữ ký Trưởng đoàn khám không phải chữ ký của bác sĩ Nguyễn Minh Hoàng, không sử dụng con dấu vuông (chỉ sử dụng dấu tròn của bệnh viện).

Công văn số 866/SLĐTBXH-DN ngày 16/7/2021 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh P nhận: không cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Trung tâm dạy nghề và đào tạo sát hạch lái xe Tiến bộ và Trung tâm đào tạo lái xe Phú Yên, 02 cơ sở này không thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Công văn số 125/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 05/8/2021 của Sở Giao thông vận tải P xác nhận: không ban hành biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô mang tên Huỳnh Tấn Q; thể thức, nội dung, thành phần trong biên bản không đúng theo quy định của Tổng cục đường bộ Việt Nam. Xác minh tại Sở Giao thông vận tải P xác nhận: Trường T bộ không có trên địa bàn tỉnh.

Tại các bản kết luận giám định số 242 ngày 26/4/2022, số 246 ngày 28/6/2022 và số 264 ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, giấy chứng nhận tốt nghiệp, chứng chỉ sơ cấp nghề, tất cả đều mang tên Phạm Quốc D1; Giấy chứng nhận sức khỏe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, chứng chỉ sơ cấp nghề, tất cả đều mang tên Huỳnh Tấn Q , Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, giấy chứng nhận tốt nghiệp, chứng chỉ sơ cấp nghề, tất cả mang tên Nguyễn Tấn L , không tiến hành giám định vì không có mẫu để so sánh. Chữ viết trên đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B2, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, giấy chứng nhận sức khỏe và các bản tự khai của Phạm Quốc

D1 là do cùng một người viết ra. Chữ viết trên đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, giấy chứng nhận sức khỏe và các bản tự khai của Huỳnh Tấn Q là do cùng một người viết ra. Chữ viết trên đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng D, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô, giấy chứng nhận sức khỏe và các bản tự khai của Nguyễn Tấn L là do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2022/HS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh P đã tuyên bị cáo: Phạm Hải D, Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1 phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Áp dụng điểm a khoản 3, Khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị bị cáo; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hiền; phạt: Bị cáo Phạm Hải D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; Bị cáo Hàn Văn H 04 (bốn) năm tù; Bị cáo Phạm Thuỳ N 03 (ba) năm 06 (sáu tháng tù); Bị cáo Phạm Thu H1 03 (ba) năm tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2022, bị cáo Phạm Thu H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo. Ngày 05/01/2023, bị cáo Hàn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Ngày 09/01/2023, bị cáo Phạm Thuỳ N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xà xin cho bị cáo được hưởng án treo. Ngày 10/01/2023, bị cáo Phạm Hải D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356; Điểm e, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Hải D, Phạm Thuỳ N – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hàn Văn H, Phạm Thu H1 – Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt; phạt bị cáo Hàn Văn H 03 năm 06 tháng tù; áp dụng thêm Điều 54 BLHS phạt bị cáo Phạm Thu H1 02 năm 06 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thu H1 trình bày lời bào chữa: Bị cáo tham gia thực hiện tội phạm với vai trò thấp nhất, có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên đề nghị áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 5/2020, trên địa bàn tỉnh Phú Yên, các bị cáo Phạm Hải D, Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1 đã có hành vi liên kết, cung cấp thông tin cá nhân của người có nhu cầu sử dụng để làm giả các giấy tờ, tài liệu chủ yếu là giấy phép lái xe các loại, văn bằng, chứng chỉ mà không thông qua việc học và thi sát hạch theo quy định pháp luật nhằm thu lợi bất chính. Kết luận giám định đối với 43 tài liệu thu giữ được, gồm 42 giấy phép lái xe các loại và 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ A đều là giấy tờ, tài liệu giả, bằng phương pháp in phun màu. Công văn số 947/BV-KHTH-CĐT ngày 04/8/2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên kết luận: Bệnh viện không phát hành mẫu giấy khám sức khoẻ như mẫu mang tên Nguyễn Tấn L, Phạm Quốc D1; không sử dụng đóng mộc (ĐỦ SỨC KHOẺ LÁI XE HẠNG); chữ ký trưởng đoàn khám không phải chữ ký Bác sĩ Nguyễn Minh Hoàng; không sử dụng con dấu vuông (chỉ sử dụng dấu tròn của bệnh viện). Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, nên đối với các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Hải D, Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo của các bị cáo Phạm Hải D: Bị cáo D chủ động đăng thông tin lên mạng xã hội về việc có nhận làm tài liệu giả và trực tiếp liên hệ với người tên Nam (chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh để Nam làm và gửi về cho D bán hưởng chênh lệch. D là đầu mối để cung cấp tài liệu giả cho Hiền để Hiền bán lại cho người khác. Quá trình điều tra xác định, D đặt làm 51 tài liệu giả các loại, số lượng tài liệu giả lớn hơn nhiều so với các bị cáo còn lại và thu lợi bất chính số tiền 23.900.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo D có tính nguy hiểm cao nhất so với các bị cáo còn lại trong cùng vụ án. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

nhưng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà - giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo của các bị cáo Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N: Bị cáo Hiền đặt làm 43 tài liệu giả các loại từ bị cáo D và một người qua Zalo Công Thành (chưa xác định rõ nhân thân lai lịch), thu lợi bất chính số tiền 47.800.000 đồng; bị cáo Ninh đặt làm 10 tài liệu giả các loại, thu lợi bất chính số tiền 7.100.000 đồng. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục cho người liên quan và giao nộp số tiền thu lợi bất chính trong quá trình điều tra vụ án; riêng bị cáo H có bà nội được Nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến hạnh Nhì, quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phạm Thuỳ N cung cấp thêm tài liệu chứng minh có cha ruột ông Phạm Phú Q được Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng. Bị cáo H cung cấp tài liệu chứng minh đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (tại biên lai số 0002621 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên) theo quyết định của bản án sơ thẩm; đồng thời tại công văn số 205/PC01-Đ2 ngày 23/3/2023 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Phú Yên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hàn Văn H vì bị cáo H đã tích cực hợp tác, phối hợp cung cấp nhiều thông tin có giá trị phục vụ cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, nhất là công tác điều tra xử lý các vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên thụ lý; bị cáo có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại địa phương được Uỷ ban nhân dân xã Sơn Thành Tây, huyện Tây Hoà - nơi bị cáo cư trú xác nhận. Xét các bị cáo Phạm Thuỳ N và Hàn Văn H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Hiền cao hơn so với bị cáo Ninh nên lẽ ra mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hiền phải cao hơn so với bị cáo Ninh. Tuy nhiên, bị cáo Hiền được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn so với bị cáo Ninh nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hiền và bị cáo Ninh là ngang nhau.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Thu H1: Bị cáo Hương đặt làm 07 tài liệu giả các loại, thu lợi bất chính số tiền 800.000 đồng. Số lượng tài liệu giả và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Hương là thấp nhất trong các bị cáo. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục cho người liên quan và giao nộp số tiền thu lợi bất chính trong quá trình điều tra vụ án, quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh hiện bị cáo đang mang thai, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định và không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Bị cáo Phạm Hải D kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hải D – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thu H1 và một phần kháng cáo của các bị cáo Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N – Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt;

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hải D, Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1 phạm tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng điểm a Khoản 3, Khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị bị cáo; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hiền; áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Điều 54 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hương. Xử phạt:

Bị cáo **Phạm Hải D** 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Hải D 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Hàn Văn H** 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Hàn Văn H 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung ngân sách nhà nước. Bị cáo Hàn Văn H đã nộp tại biên lai số 0002621 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bị cáo **Phạm Thuỳ N** 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thuỳ N 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Phạm Thu H1** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thu H1 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* để sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Thu H1 cho Ủy ban nhân dân xã Eatrol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Hải D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hàn Văn H, Phạm Thuỳ N, Phạm Thu H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thành phố Tuy Hoà (2);
- VKSND thành phố Tuy Hoà (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an thành phô Tuy Hoà (1);
- P.KTNV
- PV 06 (1);
- Sở tư pháp (1);
- NTGTT;
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

Nguyễn Việt Hùng